

Số: 643 /2023/BC-SHS

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2023

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN  
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

**Kính gửi:** Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam  
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 05/2023 như sau:

**1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 05/2023**

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 1   | AAA                                                 | THI                                            |                                                 | AAA                                                  |
| 2   | AAT                                                 |                                                |                                                 | AAT                                                  |
| 3   | ABT                                                 |                                                |                                                 | ABT                                                  |
| 4   | ACB                                                 |                                                |                                                 | ACB                                                  |
| 5   | ACC                                                 |                                                |                                                 | ACC                                                  |
| 6   | ACL                                                 |                                                |                                                 | ACL                                                  |
| 7   | ADG                                                 |                                                |                                                 | ADG                                                  |
| 8   | ADS                                                 |                                                |                                                 | ADS                                                  |
| 9   | AGG                                                 |                                                |                                                 | AGG                                                  |
| 10  | AGR                                                 |                                                |                                                 | AGR                                                  |
| 11  | ANV                                                 |                                                |                                                 | ANV                                                  |
| 12  | ASM                                                 |                                                |                                                 | ASM                                                  |
| 13  | BAF                                                 |                                                |                                                 | BAF                                                  |
| 14  | BBC                                                 |                                                |                                                 | BBC                                                  |
| 15  | BCG                                                 |                                                |                                                 | BCG                                                  |
| 16  | BCM                                                 |                                                |                                                 | BCM                                                  |
| 17  | BFC                                                 |                                                |                                                 | BFC                                                  |
| 18  | BHN                                                 |                                                |                                                 | BHN                                                  |
| 19  | BIC                                                 |                                                |                                                 | BIC                                                  |
| 20  | BID                                                 |                                                |                                                 | BID                                                  |
| 21  | BKG                                                 |                                                |                                                 | BKG                                                  |
| 22  | BMC                                                 |                                                |                                                 | BMC                                                  |
| 23  | BMI                                                 |                                                |                                                 | BMI                                                  |
| 24  | BMP                                                 |                                                |                                                 | BMP                                                  |
| 25  | BRC                                                 |                                                |                                                 | BRC                                                  |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 26  | BSI                                                       |                                                      |                                                       | BSI                                                        |
| 27  | BTP                                                       |                                                      |                                                       | BTP                                                        |
| 28  | BVH                                                       |                                                      |                                                       | BVH                                                        |
| 29  | BWE                                                       |                                                      |                                                       | BWE                                                        |
| 30  | C32                                                       |                                                      |                                                       | C32                                                        |
| 31  | C47                                                       |                                                      |                                                       | C47                                                        |
| 32  | CAV                                                       |                                                      |                                                       | CAV                                                        |
| 33  | CCL                                                       |                                                      |                                                       | CCL                                                        |
| 34  | CDC                                                       |                                                      |                                                       | CDC                                                        |
| 35  | CHP                                                       |                                                      |                                                       | CHP                                                        |
| 36  | CII                                                       |                                                      |                                                       | CII                                                        |
| 37  | CKG                                                       |                                                      |                                                       | CKG                                                        |
| 38  | CLC                                                       |                                                      |                                                       | CLC                                                        |
| 39  | CLL                                                       |                                                      |                                                       | CLL                                                        |
| 40  | CMG                                                       |                                                      |                                                       | CMG                                                        |
| 41  | CMX                                                       |                                                      |                                                       | CMX                                                        |
| 42  | CNG                                                       |                                                      |                                                       | CNG                                                        |
| 43  | CRC                                                       |                                                      |                                                       | CRC                                                        |
| 44  | CRE                                                       |                                                      |                                                       | CRE                                                        |
| 45  | CSM                                                       |                                                      |                                                       | CSM                                                        |
| 46  | CSV                                                       |                                                      |                                                       | CSV                                                        |
| 47  | CTD                                                       |                                                      |                                                       | CTD                                                        |
| 48  | CTF                                                       |                                                      |                                                       | CTF                                                        |
| 49  | CTG                                                       |                                                      |                                                       | CTG                                                        |
| 50  | CTI                                                       |                                                      |                                                       | CTI                                                        |
| 51  | CTR                                                       |                                                      |                                                       | CTR                                                        |
| 52  | CTS                                                       |                                                      |                                                       | CTS                                                        |
| 53  | CVT                                                       |                                                      |                                                       | CVT                                                        |
| 54  | D2D                                                       |                                                      |                                                       | D2D                                                        |
| 55  | DAG                                                       |                                                      |                                                       | DAG                                                        |
| 56  | DAH                                                       |                                                      |                                                       | DAH                                                        |
| 57  | DBC                                                       |                                                      |                                                       | DBC                                                        |
| 58  | DBD                                                       |                                                      |                                                       | DBD                                                        |
| 59  | DBT                                                       |                                                      |                                                       | DBT                                                        |
| 60  | DCL                                                       |                                                      |                                                       | DCL                                                        |
| 61  | DCM                                                       |                                                      |                                                       | DCM                                                        |
| 62  | DGC                                                       |                                                      |                                                       | DGC                                                        |
| 63  | DGW                                                       |                                                      |                                                       | DGW                                                        |
| 64  | DHA                                                       |                                                      |                                                       | DHA                                                        |
| 65  | DHC                                                       |                                                      |                                                       | DHC                                                        |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 66  | DHG                                                       |                                                      |                                                       | DHG                                                        |
| 67  | DHM                                                       |                                                      |                                                       | DHM                                                        |
| 68  | DIG                                                       |                                                      |                                                       | DIG                                                        |
| 69  | DMC                                                       |                                                      |                                                       | DMC                                                        |
| 70  | DPG                                                       |                                                      |                                                       | DPG                                                        |
| 71  | DPM                                                       |                                                      |                                                       | DPM                                                        |
| 72  | DPR                                                       |                                                      |                                                       | DPR                                                        |
| 73  | DQC                                                       |                                                      |                                                       | DQC                                                        |
| 74  | DRC                                                       |                                                      |                                                       | DRC                                                        |
| 75  | DRH                                                       |                                                      |                                                       | DRH                                                        |
| 76  | DRL                                                       |                                                      |                                                       | DRL                                                        |
| 77  | DSN                                                       |                                                      |                                                       | DSN                                                        |
| 78  | DVP                                                       |                                                      |                                                       | DVP                                                        |
| 79  | DXG                                                       |                                                      |                                                       | DXG                                                        |
| 80  | DXS                                                       |                                                      |                                                       | DXS                                                        |
| 81  | EIB                                                       |                                                      |                                                       | EIB                                                        |
| 82  | ELC                                                       |                                                      |                                                       | ELC                                                        |
| 83  | EVE                                                       |                                                      |                                                       | EVE                                                        |
| 84  | EVF                                                       |                                                      |                                                       | EVF                                                        |
| 85  | FCM                                                       |                                                      |                                                       | FCM                                                        |
| 86  | FCN                                                       |                                                      |                                                       | FCN                                                        |
| 87  | FIR                                                       |                                                      |                                                       | FIR                                                        |
| 88  | FIT                                                       |                                                      |                                                       | FIT                                                        |
| 89  | FMC                                                       |                                                      |                                                       | FMC                                                        |
| 90  | FPT                                                       |                                                      |                                                       | FPT                                                        |
| 91  | FRT                                                       |                                                      |                                                       | FRT                                                        |
| 92  | FTS                                                       |                                                      |                                                       | FTS                                                        |
| 93  | GAS                                                       |                                                      |                                                       | GAS                                                        |
| 94  | GDT                                                       |                                                      |                                                       | GDT                                                        |
| 95  | GEG                                                       |                                                      |                                                       | GEG                                                        |
| 96  | GEX                                                       |                                                      |                                                       | GEX                                                        |
| 97  | GIL                                                       |                                                      |                                                       | GIL                                                        |
| 98  | GMD                                                       |                                                      |                                                       | GMD                                                        |
| 99  | GSP                                                       |                                                      |                                                       | GSP                                                        |
| 100 | GTA                                                       |                                                      |                                                       | GTA                                                        |
| 101 | GVR                                                       |                                                      |                                                       | GVR                                                        |
| 102 | HAH                                                       |                                                      |                                                       | HAH                                                        |
| 103 | HAP                                                       |                                                      |                                                       | HAP                                                        |
| 104 | HAX                                                       |                                                      |                                                       | HAX                                                        |
| 105 | HCD                                                       |                                                      |                                                       | HCD                                                        |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 106 | HCM                                                       |                                                      |                                                       | HCM                                                        |
| 107 | HDB                                                       |                                                      |                                                       | HDB                                                        |
| 108 | HDC                                                       |                                                      |                                                       | HDC                                                        |
| 109 | HDG                                                       |                                                      |                                                       | HDG                                                        |
| 110 | HHP                                                       |                                                      |                                                       | HHP                                                        |
| 111 | HHS                                                       |                                                      |                                                       | HHS                                                        |
| 112 | HHV                                                       |                                                      |                                                       | HHV                                                        |
| 113 | HMC                                                       |                                                      |                                                       | HMC                                                        |
| 114 | HPG                                                       |                                                      |                                                       | HPG                                                        |
| 115 | HQC                                                       |                                                      |                                                       | HQC                                                        |
| 116 | HSG                                                       |                                                      |                                                       | HSG                                                        |
| 117 | HSL                                                       |                                                      |                                                       | HSL                                                        |
| 118 | HT1                                                       |                                                      |                                                       | HT1                                                        |
| 119 | HTI                                                       |                                                      |                                                       | HTI                                                        |
| 120 | HTL                                                       |                                                      |                                                       | HTL                                                        |
| 121 | HTN                                                       |                                                      |                                                       | HTN                                                        |
| 122 | HTV                                                       |                                                      |                                                       | HTV                                                        |
| 123 | HUB                                                       |                                                      |                                                       | HUB                                                        |
| 124 | HVH                                                       |                                                      |                                                       | HVH                                                        |
| 125 | ICT                                                       |                                                      |                                                       | ICT                                                        |
| 126 | IDI                                                       |                                                      |                                                       | IDI                                                        |
| 127 | IJC                                                       |                                                      |                                                       | IJC                                                        |
| 128 | ILB                                                       |                                                      |                                                       | ILB                                                        |
| 129 | IMP                                                       |                                                      |                                                       | IMP                                                        |
| 130 | ITC                                                       |                                                      |                                                       | ITC                                                        |
| 131 | ITD                                                       |                                                      |                                                       | ITD                                                        |
| 132 | KBC                                                       |                                                      |                                                       | KBC                                                        |
| 133 | KDC                                                       |                                                      |                                                       | KDC                                                        |
| 134 | KDH                                                       |                                                      |                                                       | KDH                                                        |
| 135 | KHG                                                       |                                                      |                                                       | KHG                                                        |
| 136 | KHP                                                       |                                                      |                                                       | KHP                                                        |
| 137 | KMR                                                       |                                                      |                                                       | KMR                                                        |
| 138 | KOS                                                       |                                                      |                                                       | KOS                                                        |
| 139 | KPF                                                       |                                                      |                                                       | KPF                                                        |
| 140 | KSB                                                       |                                                      |                                                       | KSB                                                        |
| 141 | L10                                                       |                                                      |                                                       | L10                                                        |
| 142 | LBM                                                       |                                                      |                                                       | LBM                                                        |
| 143 | LCG                                                       |                                                      |                                                       | LCG                                                        |
| 144 | LGC                                                       |                                                      |                                                       | LGC                                                        |
| 145 | LIX                                                       |                                                      |                                                       | LIX                                                        |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 146 | LPB                                                       |                                                      |                                                       | LPB                                                        |
| 147 | LSS                                                       |                                                      |                                                       | LSS                                                        |
| 148 | MBB                                                       |                                                      |                                                       | MBB                                                        |
| 149 | MIG                                                       |                                                      |                                                       | MIG                                                        |
| 150 | MSB                                                       |                                                      |                                                       | MSB                                                        |
| 151 | MSH                                                       |                                                      |                                                       | MSH                                                        |
| 152 | MSN                                                       |                                                      |                                                       | MSN                                                        |
| 153 | MWG                                                       |                                                      |                                                       | MWG                                                        |
| 154 | NAF                                                       |                                                      |                                                       | NAF                                                        |
| 155 | NBB                                                       |                                                      |                                                       | NBB                                                        |
| 156 | NCT                                                       |                                                      |                                                       | NCT                                                        |
| 157 | NHA                                                       |                                                      |                                                       | NHA                                                        |
| 158 | NHH                                                       |                                                      |                                                       | NHH                                                        |
| 159 | NLG                                                       |                                                      |                                                       | NLG                                                        |
| 160 | NNC                                                       |                                                      |                                                       | NNC                                                        |
| 161 | NSC                                                       |                                                      |                                                       | NSC                                                        |
| 162 | NT2                                                       |                                                      |                                                       | NT2                                                        |
| 163 | NTL                                                       |                                                      |                                                       | NTL                                                        |
| 164 | OCB                                                       |                                                      |                                                       | OCB                                                        |
| 165 | OPC                                                       |                                                      |                                                       | OPC                                                        |
| 166 | ORS                                                       |                                                      |                                                       | ORS                                                        |
| 167 | PAC                                                       |                                                      |                                                       | PAC                                                        |
| 168 | PAN                                                       |                                                      |                                                       | PAN                                                        |
| 169 | PCI                                                       |                                                      |                                                       | PCI                                                        |
| 170 | PDN                                                       |                                                      |                                                       | PDN                                                        |
| 171 | PET                                                       |                                                      |                                                       | PET                                                        |
| 172 | PGC                                                       |                                                      |                                                       | PGC                                                        |
| 173 | PGD                                                       |                                                      |                                                       | PGD                                                        |
| 174 | PGI                                                       |                                                      |                                                       | PGI                                                        |
| 175 | PGV                                                       |                                                      |                                                       | PGV                                                        |
| 176 | PHC                                                       |                                                      |                                                       | PHC                                                        |
| 177 | PHR                                                       |                                                      |                                                       | PHR                                                        |
| 178 | PJT                                                       |                                                      |                                                       | PJT                                                        |
| 179 | PLX                                                       |                                                      |                                                       | PLX                                                        |
| 180 | PNJ                                                       |                                                      |                                                       | PNJ                                                        |
| 181 | POW                                                       |                                                      |                                                       | POW                                                        |
| 182 | PTB                                                       |                                                      |                                                       | PTB                                                        |
| 183 | PVT                                                       |                                                      |                                                       | PVT                                                        |
| 184 | QCG                                                       |                                                      |                                                       | QCG                                                        |
| 185 | RAL                                                       |                                                      |                                                       | RAL                                                        |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 186 | REE                                                       |                                                      |                                                       | REE                                                        |
| 187 | S4A                                                       |                                                      |                                                       | S4A                                                        |
| 188 | SAB                                                       |                                                      |                                                       | SAB                                                        |
| 189 | SAM                                                       |                                                      |                                                       | SAM                                                        |
| 190 | SAV                                                       |                                                      |                                                       | SAV                                                        |
| 191 | SBA                                                       |                                                      |                                                       | SBA                                                        |
| 192 | SBT                                                       |                                                      |                                                       | SBT                                                        |
| 193 | SC5                                                       |                                                      |                                                       | SC5                                                        |
| 194 | SCR                                                       |                                                      |                                                       | SCR                                                        |
| 195 | SCS                                                       |                                                      |                                                       | SCS                                                        |
| 196 | SFC                                                       |                                                      |                                                       | SFC                                                        |
| 197 | SFG                                                       |                                                      |                                                       | SFG                                                        |
| 198 | SFI                                                       |                                                      |                                                       | SFI                                                        |
| 199 | SGN                                                       |                                                      |                                                       | SGN                                                        |
| 200 | SGR                                                       |                                                      |                                                       | SGR                                                        |
| 201 | SHA                                                       |                                                      |                                                       | SHA                                                        |
| 202 | SHB                                                       |                                                      |                                                       | SHB                                                        |
| 203 | SHI                                                       |                                                      |                                                       | SHI                                                        |
| 204 | SHP                                                       |                                                      |                                                       | SHP                                                        |
| 205 | SJD                                                       |                                                      |                                                       | SJD                                                        |
| 206 | SJS                                                       |                                                      |                                                       | SJS                                                        |
| 207 | SKG                                                       |                                                      |                                                       | SKG                                                        |
| 208 | SMB                                                       |                                                      |                                                       | SMB                                                        |
| 209 | SPM                                                       |                                                      |                                                       | SPM                                                        |
| 210 | SRC                                                       |                                                      |                                                       | SRC                                                        |
| 211 | SSB                                                       |                                                      |                                                       | SSB                                                        |
| 212 | SSC                                                       |                                                      |                                                       | SSC                                                        |
| 213 | SSI                                                       |                                                      |                                                       | SSI                                                        |
| 214 | ST8                                                       |                                                      |                                                       | ST8                                                        |
| 215 | STB                                                       |                                                      |                                                       | STB                                                        |
| 216 | STG                                                       |                                                      |                                                       | STG                                                        |
| 217 | STK                                                       |                                                      |                                                       | STK                                                        |
| 218 | SVC                                                       |                                                      |                                                       | SVC                                                        |
| 219 | SVI                                                       |                                                      |                                                       | SVI                                                        |
| 220 | SVT                                                       |                                                      |                                                       | SVT                                                        |
| 221 | SZC                                                       |                                                      |                                                       | SZC                                                        |
| 222 | SZL                                                       |                                                      |                                                       | SZL                                                        |
| 223 | TBC                                                       |                                                      |                                                       | TBC                                                        |
| 224 | TCB                                                       |                                                      |                                                       | TCB                                                        |
| 225 | TCD                                                       |                                                      |                                                       | TCD                                                        |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 226 | TCH                                                       |                                                      |                                                       | TCH                                                        |
| 227 | TCL                                                       |                                                      |                                                       | TCL                                                        |
| 228 | TCM                                                       |                                                      |                                                       | TCM                                                        |
| 229 | TCO                                                       |                                                      |                                                       | TCO                                                        |
| 230 | TCT                                                       |                                                      |                                                       | TCT                                                        |
| 231 | TDC                                                       |                                                      |                                                       | TDC                                                        |
| 232 | TDG                                                       |                                                      |                                                       | TDG                                                        |
| 233 | TDM                                                       |                                                      |                                                       | TDM                                                        |
| 234 | TDP                                                       |                                                      |                                                       | TDP                                                        |
| 235 | TEG                                                       |                                                      |                                                       | TEG                                                        |
| 236 | THG                                                       |                                                      |                                                       | THG                                                        |
| 237 | THI                                                       |                                                      |                                                       | TIP                                                        |
| 238 | TIP                                                       |                                                      |                                                       | TLD                                                        |
| 239 | TLD                                                       |                                                      |                                                       | TLG                                                        |
| 240 | TLG                                                       |                                                      |                                                       | TLH                                                        |
| 241 | TLH                                                       |                                                      |                                                       | TMP                                                        |
| 242 | TMP                                                       |                                                      |                                                       | TMS                                                        |
| 243 | TMS                                                       |                                                      |                                                       | TN1                                                        |
| 244 | TN1                                                       |                                                      |                                                       | TNC                                                        |
| 245 | TNC                                                       |                                                      |                                                       | TNH                                                        |
| 246 | TNH                                                       |                                                      |                                                       | TPB                                                        |
| 247 | TPB                                                       |                                                      |                                                       | TRA                                                        |
| 248 | TRA                                                       |                                                      |                                                       | TRC                                                        |
| 249 | TRC                                                       |                                                      |                                                       | TTA                                                        |
| 250 | TTA                                                       |                                                      |                                                       | TV2                                                        |
| 251 | TV2                                                       |                                                      |                                                       | TVS                                                        |
| 252 | TVS                                                       |                                                      |                                                       | TVT                                                        |
| 253 | TVT                                                       |                                                      |                                                       | TYA                                                        |
| 254 | TYA                                                       |                                                      |                                                       | UIC                                                        |
| 255 | UIC                                                       |                                                      |                                                       | VCB                                                        |
| 256 | VCB                                                       |                                                      |                                                       | VCG                                                        |
| 257 | VCG                                                       |                                                      |                                                       | VCI                                                        |
| 258 | VCI                                                       |                                                      |                                                       | VDP                                                        |
| 259 | VDP                                                       |                                                      |                                                       | VGC                                                        |
| 260 | VGC                                                       |                                                      |                                                       | VHC                                                        |
| 261 | VHC                                                       |                                                      |                                                       | VHM                                                        |
| 262 | VHM                                                       |                                                      |                                                       | VIB                                                        |
| 263 | VIB                                                       |                                                      |                                                       | VIC                                                        |
| 264 | VIC                                                       |                                                      |                                                       | VIP                                                        |
| 265 | VIP                                                       |                                                      |                                                       | VIX                                                        |

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 266 | VIX                                                 |                                                |                                                 | VND                                                  |
| 267 | VND                                                 |                                                |                                                 | VNE                                                  |
| 268 | VNE                                                 |                                                |                                                 | VNM                                                  |
| 269 | VNM                                                 |                                                |                                                 | VOS                                                  |
| 270 | VOS                                                 |                                                |                                                 | VPB                                                  |
| 271 | VPB                                                 |                                                |                                                 | VPG                                                  |
| 272 | VPG                                                 |                                                |                                                 | VPH                                                  |
| 273 | VPH                                                 |                                                |                                                 | VPI                                                  |
| 274 | VPI                                                 |                                                |                                                 | VPS                                                  |
| 275 | VPS                                                 |                                                |                                                 | VRC                                                  |
| 276 | VRC                                                 |                                                |                                                 | VRE                                                  |
| 277 | VRE                                                 |                                                |                                                 | VSC                                                  |
| 278 | VSC                                                 |                                                |                                                 | VSH                                                  |
| 279 | VSH                                                 |                                                |                                                 | VSJ                                                  |
| 280 | VSJ                                                 |                                                |                                                 | VTO                                                  |
| 281 | VTO                                                 |                                                |                                                 | YBM                                                  |
| 282 | YBM                                                 |                                                |                                                 | YEG                                                  |
| 283 | YEG                                                 |                                                |                                                 |                                                      |

**2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 05/2023**

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 1   | AAV                                                 |                                                |                                                 | AAV                                                  |
| 2   | AMV                                                 |                                                |                                                 | AMV                                                  |
| 3   | BAB                                                 |                                                |                                                 | BAB                                                  |
| 4   | BAX                                                 |                                                |                                                 | BAX                                                  |
| 5   | BCC                                                 |                                                |                                                 | BCC                                                  |
| 6   | BCF                                                 |                                                |                                                 | BCF                                                  |
| 7   | BNA                                                 |                                                |                                                 | BNA                                                  |
| 8   | BPC                                                 |                                                |                                                 | BPC                                                  |
| 9   | BTS                                                 |                                                |                                                 | BTS                                                  |
| 10  | BVS                                                 |                                                |                                                 | BVS                                                  |
| 11  | C69                                                 |                                                |                                                 | C69                                                  |
| 12  | CAP                                                 |                                                |                                                 | CAP                                                  |
| 13  | CDN                                                 |                                                |                                                 | CDN                                                  |
| 14  | CEO                                                 |                                                |                                                 | CEO                                                  |
| 15  | CLH                                                 |                                                |                                                 | CLH                                                  |
| 16  | DHP                                                 |                                                |                                                 | DHP                                                  |
| 17  | DHT                                                 |                                                |                                                 | DHT                                                  |
| 18  | DLI                                                 |                                                |                                                 | DLI                                                  |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 19  | DNP                                                       |                                                      |                                                       | DNP                                                        |
| 20  | DP3                                                       |                                                      |                                                       | DP3                                                        |
| 21  | DTD                                                       |                                                      |                                                       | DTD                                                        |
| 22  | DXP                                                       |                                                      |                                                       | DXP                                                        |
| 23  | EID                                                       |                                                      |                                                       | EID                                                        |
| 24  | EVS                                                       |                                                      |                                                       | EVS                                                        |
| 25  | GIC                                                       |                                                      |                                                       | GIC                                                        |
| 26  | GKM                                                       |                                                      |                                                       | GKM                                                        |
| 27  | GMX                                                       |                                                      |                                                       | GMX                                                        |
| 28  | HAT                                                       |                                                      |                                                       | HAT                                                        |
| 29  | HCC                                                       |                                                      |                                                       | HCC                                                        |
| 30  | HDA                                                       |                                                      |                                                       | HDA                                                        |
| 31  | HHC                                                       |                                                      |                                                       | HHC                                                        |
| 32  | HJS                                                       |                                                      |                                                       | HJS                                                        |
| 33  | HLC                                                       |                                                      |                                                       | HLC                                                        |
| 34  | HLD                                                       |                                                      |                                                       | HLD                                                        |
| 35  | HMR                                                       |                                                      |                                                       | HMR                                                        |
| 36  | HOM                                                       |                                                      |                                                       | HOM                                                        |
| 37  | HTC                                                       |                                                      |                                                       | HTC                                                        |
| 38  | HUT                                                       |                                                      |                                                       | HUT                                                        |
| 39  | HVT                                                       |                                                      |                                                       | HVT                                                        |
| 40  | IDC                                                       |                                                      |                                                       | IDC                                                        |
| 41  | IDJ                                                       |                                                      |                                                       | IDJ                                                        |
| 42  | IDV                                                       |                                                      |                                                       | IDV                                                        |
| 43  | INN                                                       |                                                      |                                                       | INN                                                        |
| 44  | IPA                                                       |                                                      |                                                       | IPA                                                        |
| 45  | LAS                                                       |                                                      |                                                       | LAS                                                        |
| 46  | LHC                                                       |                                                      |                                                       | LHC                                                        |
| 47  | LIG                                                       |                                                      |                                                       | LIG                                                        |
| 48  | MBG                                                       |                                                      |                                                       | MBG                                                        |
| 49  | MBS                                                       |                                                      |                                                       | MBS                                                        |
| 50  | MCF                                                       |                                                      |                                                       | MCF                                                        |
| 51  | MVB                                                       |                                                      |                                                       | MVB                                                        |
| 52  | NAG                                                       |                                                      |                                                       | NAG                                                        |
| 53  | NBC                                                       |                                                      |                                                       | NBC                                                        |
| 54  | NET                                                       |                                                      |                                                       | NET                                                        |
| 55  | NTP                                                       |                                                      |                                                       | NTP                                                        |
| 56  | NVB                                                       |                                                      |                                                       | NVB                                                        |
| 57  | ONE                                                       |                                                      |                                                       | ONE                                                        |
| 58  | PBP                                                       |                                                      |                                                       | PBP                                                        |
| 59  | PCE                                                       |                                                      |                                                       | PCE                                                        |
| 60  | PGN                                                       |                                                      |                                                       | PGN                                                        |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục trong tháng | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao dịch<br>ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 61  | PGS                                                       |                                                      |                                                       | PGS                                                        |
| 62  | PLC                                                       |                                                      |                                                       | PLC                                                        |
| 63  | PMC                                                       |                                                      |                                                       | PMC                                                        |
| 64  | PMS                                                       |                                                      |                                                       | PMS                                                        |
| 65  | PPS                                                       |                                                      |                                                       | PPS                                                        |
| 66  | PRE                                                       |                                                      |                                                       | PRE                                                        |
| 67  | PSD                                                       |                                                      |                                                       | PSD                                                        |
| 68  | PSE                                                       |                                                      |                                                       | PSE                                                        |
| 69  | PSI                                                       |                                                      |                                                       | PSI                                                        |
| 70  | PSW                                                       |                                                      |                                                       | PSW                                                        |
| 71  | PVC                                                       |                                                      |                                                       | PVC                                                        |
| 72  | PVG                                                       |                                                      |                                                       | PVG                                                        |
| 73  | PVI                                                       |                                                      |                                                       | PVI                                                        |
| 74  | PVS                                                       |                                                      |                                                       | PVS                                                        |
| 75  | QHD                                                       |                                                      |                                                       | QHD                                                        |
| 76  | RCL                                                       |                                                      |                                                       | RCL                                                        |
| 77  | S55                                                       |                                                      |                                                       | S55                                                        |
| 78  | S99                                                       |                                                      |                                                       | S99                                                        |
| 79  | SCI                                                       |                                                      |                                                       | SCI                                                        |
| 80  | SD5                                                       |                                                      |                                                       | SD5                                                        |
| 81  | SD9                                                       |                                                      |                                                       | SD9                                                        |
| 82  | SED                                                       |                                                      |                                                       | SED                                                        |
| 83  | SGC                                                       |                                                      |                                                       | SGC                                                        |
| 84  | SHN                                                       |                                                      |                                                       | SHN                                                        |
| 85  | SLS                                                       |                                                      |                                                       | SLS                                                        |
| 86  | TA9                                                       |                                                      |                                                       | TA9                                                        |
| 87  | TAR                                                       |                                                      |                                                       | TAR                                                        |
| 88  | TDN                                                       |                                                      |                                                       | TDN                                                        |
| 89  | TDT                                                       |                                                      |                                                       | TDT                                                        |
| 90  | THT                                                       |                                                      |                                                       | THT                                                        |
| 91  | TIG                                                       |                                                      |                                                       | TIG                                                        |
| 92  | TNG                                                       |                                                      |                                                       | TNG                                                        |
| 93  | TPP                                                       |                                                      |                                                       | TPP                                                        |
| 94  | TTC                                                       |                                                      |                                                       | TTC                                                        |
| 95  | TTT                                                       |                                                      |                                                       | TTT                                                        |
| 96  | TV3                                                       |                                                      |                                                       | TV3                                                        |
| 97  | TV4                                                       |                                                      |                                                       | TV4                                                        |
| 98  | TVD                                                       |                                                      |                                                       | TVD                                                        |
| 99  | VBC                                                       |                                                      |                                                       | VBC                                                        |
| 100 | VC3                                                       |                                                      |                                                       | VC3                                                        |
| 101 | VC7                                                       |                                                      |                                                       | VC7                                                        |
| 102 | VCC                                                       |                                                      |                                                       | VCC                                                        |

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán bổ ra khỏi danh mục trong tháng | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 103 | VCS                                                 |                                                |                                                 | VCS                                                  |
| 104 | VGS                                                 |                                                |                                                 | VGS                                                  |
| 105 | VHE                                                 |                                                |                                                 | VHE                                                  |
| 106 | VIF                                                 |                                                |                                                 | VIF                                                  |
| 107 | VIT                                                 |                                                |                                                 | VIT                                                  |
| 108 | VNC                                                 |                                                |                                                 | VNC                                                  |
| 109 | VNF                                                 |                                                |                                                 | VNF                                                  |
| 110 | VNR                                                 |                                                |                                                 | VNR                                                  |
| 111 | VTV                                                 |                                                |                                                 | VTV                                                  |
| 112 | WCS                                                 |                                                |                                                 | WCS                                                  |

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 05/2023 là <https://www.shs.com.vn/News/202361/1011796/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-05-2023.aspx>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.  
Kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập



Đoàn Thị Ánh Nguyệt

Kiểm soát



Ngô Thế Hiền



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Trần Sỹ Tiến

